

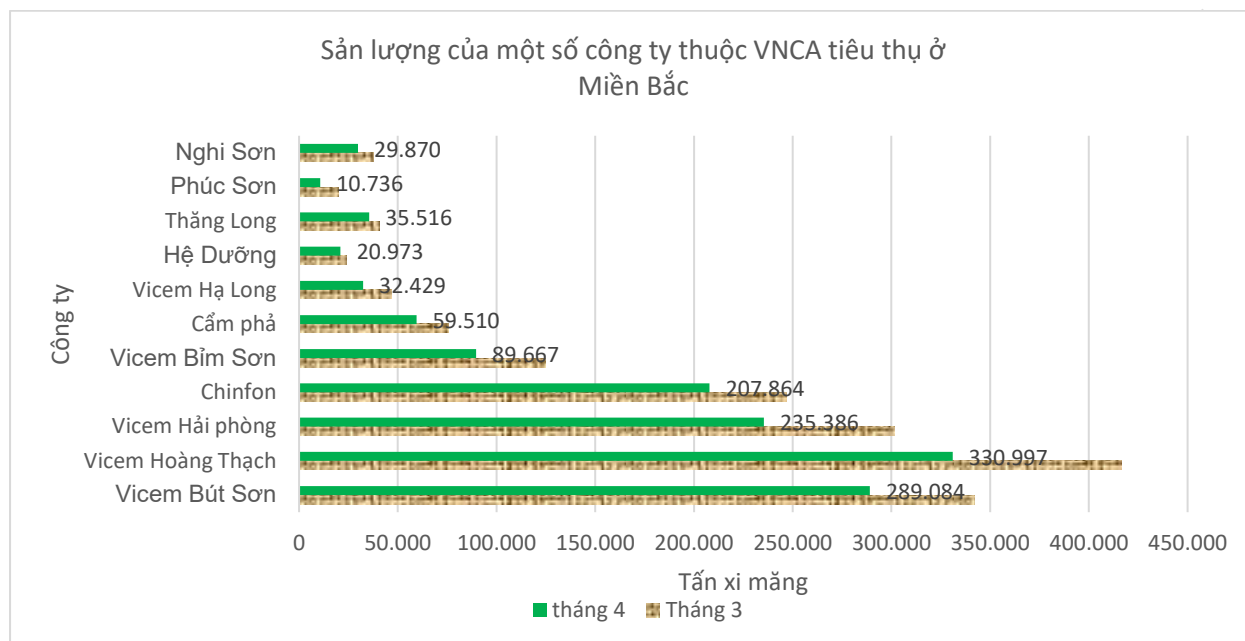
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 4/2022

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

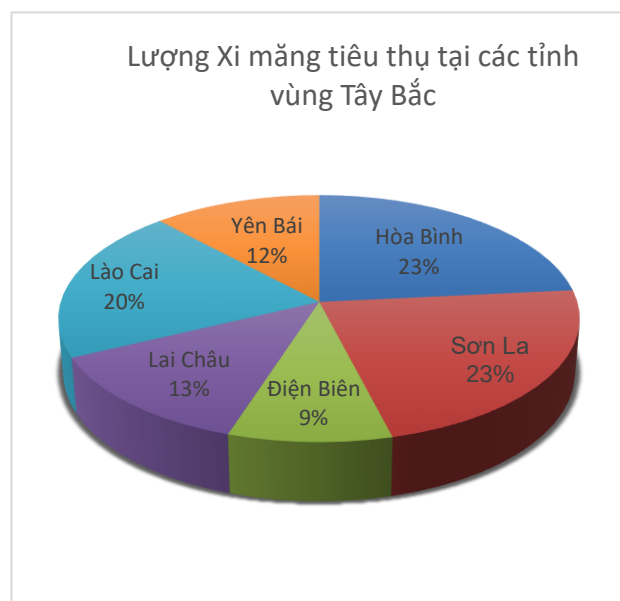
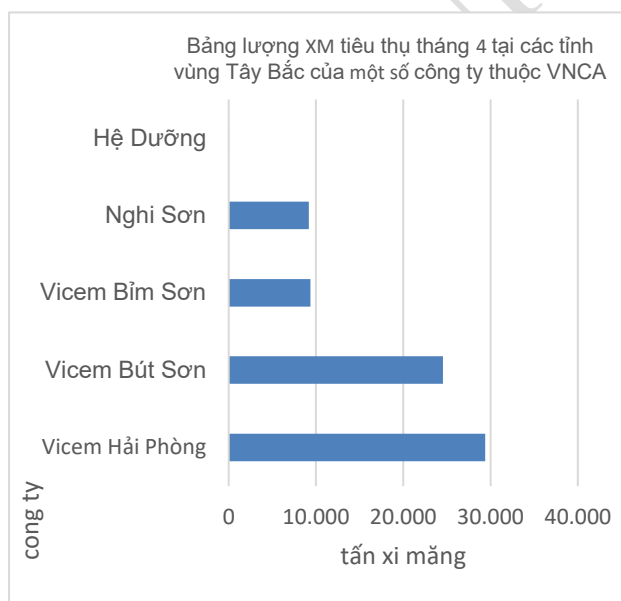
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 4/2022 là: 2.144.323 tấn (tháng 3 là 2.620.577 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

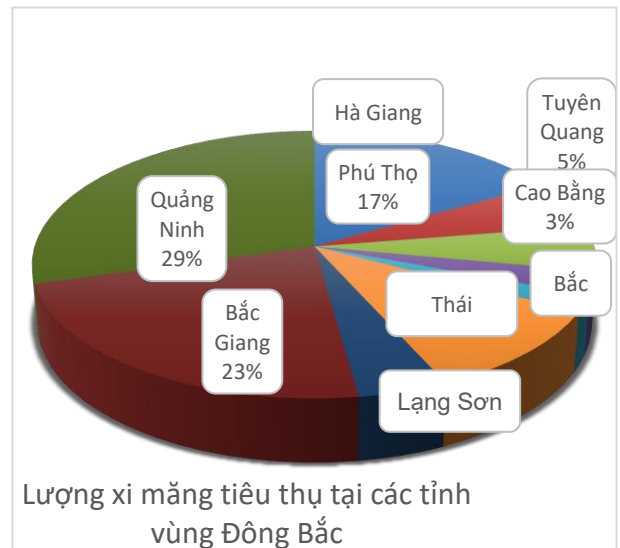
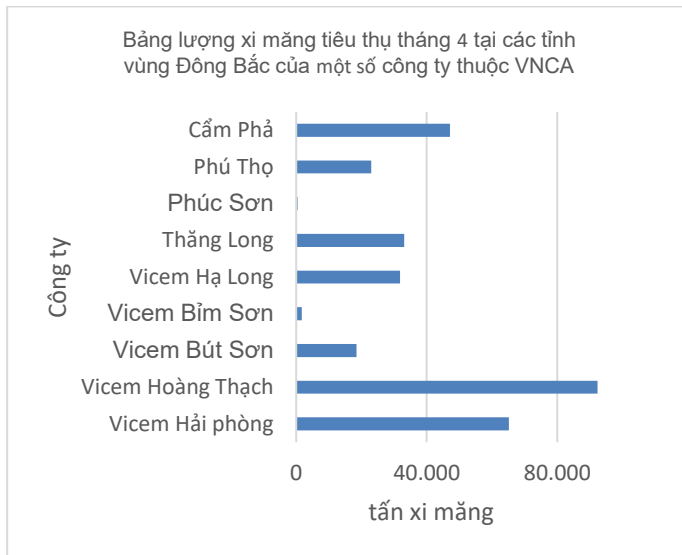


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 4/2022 như sau:

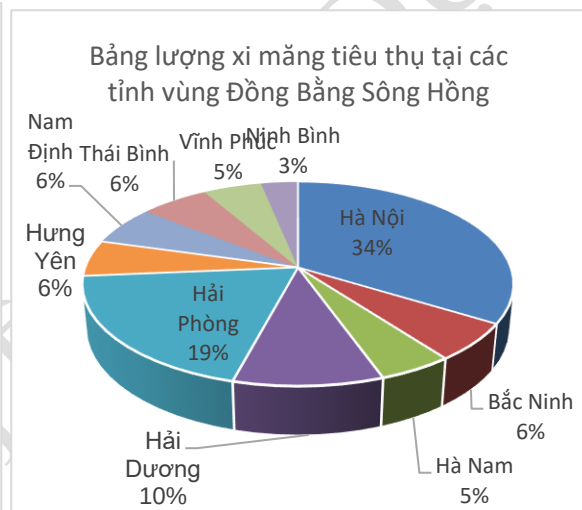
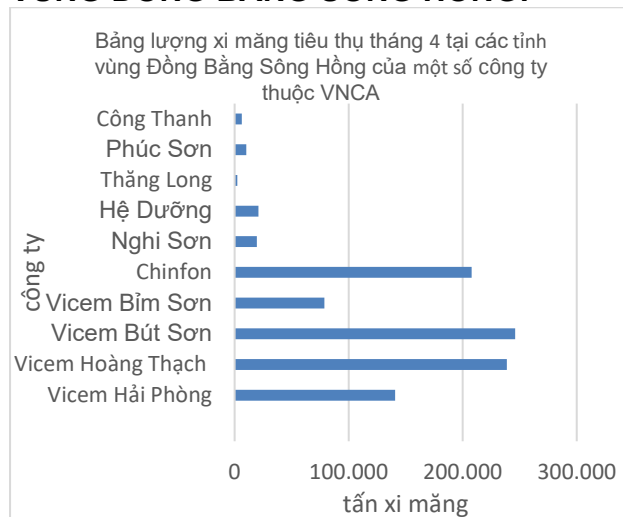
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.230 (giá tại nhà máy)

- XM Tam Điệp: 1.540

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.520

- XM Lạng Sơn: 1.000

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.290

- XM Quang Sơn: 1.320

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.180 PCB 40: 1.280

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.520 - XM Phúc Sơn: 1.410

- XM Chin Fon: 1.480

- XM Lam Thạch: 1.260

- XM Thăng Long PCB 40 1.350

- XM Hạ Long PCB 40 1.390

- XM Cẩm phả PCB 40 1.360

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.490 - XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.410 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 - XM Chinfon: 1.500

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.410

- XM Phúc Sơn: 1.390

- XM Thăng Long PCB 40 1.410 - XM Hoàng Mai: 1.510

7. Tại Hải Dương: - XM Chinfon: 1.470 - Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm phả PCB 40	1.380	- XM Phúc Sơn:	1.400
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tại Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.460

- XM Chín Fon:	1.420	- XM Bút Sơn:	1.450
- XM Phúc Sơn:	1.310		

9. Tại Thanh Hoá: - XMVLXD Bầm Sơn: 1.150

- XM Bầm Sơn: 1.390 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
 - XM Hoàng Mai 1.350 - XM Tam Điệp: 1.310

10. Tại Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.300 - XM Hệ Dưỡng: 1.120 (giá tại nhà máy)

- XM Bầm Sơn: 1.300

11. Tại Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.450 XM Cẩm phả: 1.370

- XM Bầm Sơn: 1.490
 - XM Bút Sơn: 1.450 - XM Chín Fon: 1.490

12. Tại Thái Bình:

- XM Bầm Sơn: 1.460 - XM Chín Fon: 1.410 - XM Thăng Long: 1.410
 - XM Bút Sơn: 1.460 - XM Cẩm phả: 1.390

13. Tại Hà Nội:

- XM Chín Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.610
 - XM Phúc Sơn: 1.510 - XM Bầm Sơn: 1600
 - XM Tam Điệp: 1590 - XM Bút Sơn: 1590
 - XM Thăng Long PCB 40: 1.530
 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.570 - XM Cẩm Phả: 1.540

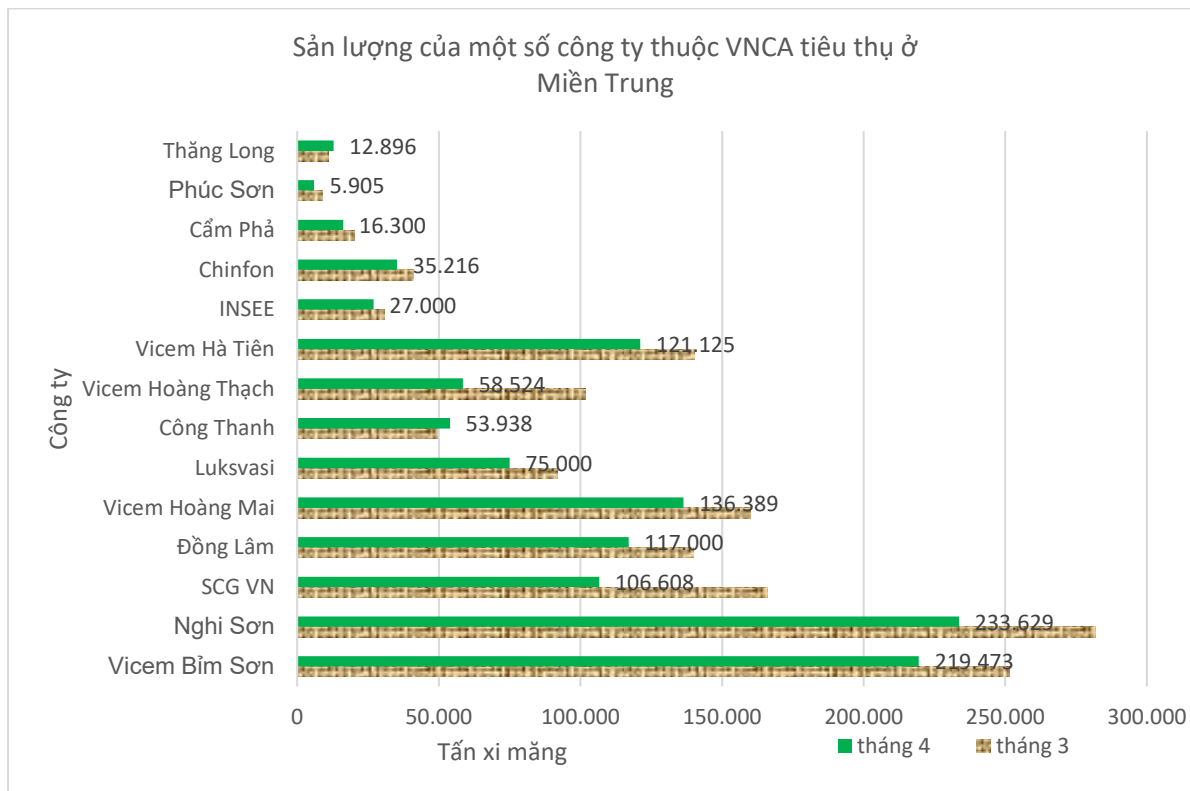
15. Tại Hải phòng: - XM Chín Fon: 1.530 XM Cẩm phả: 1.450

- XM Hải phòng: 1.490 - XM Phúc Sơn: 1.420

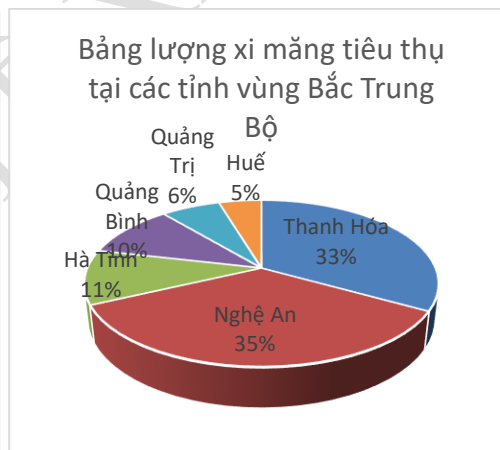
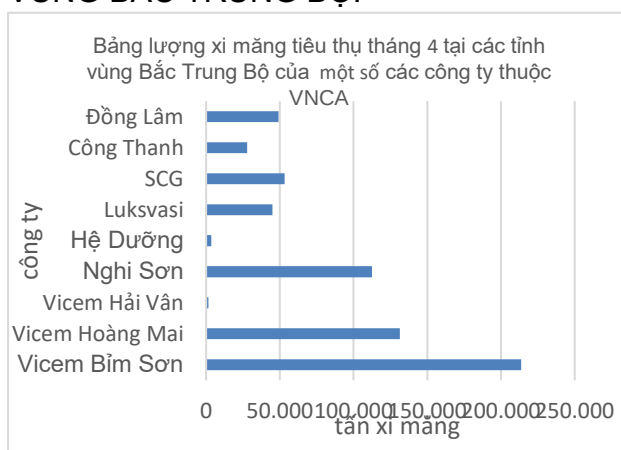
II. Thị trường xi măng miền Trung:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 4/2022: 1.696.528 tấn (tháng 3 là 2.088.337 tấn).

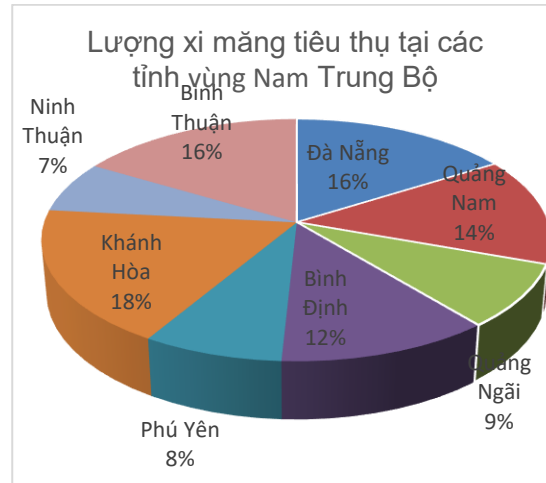
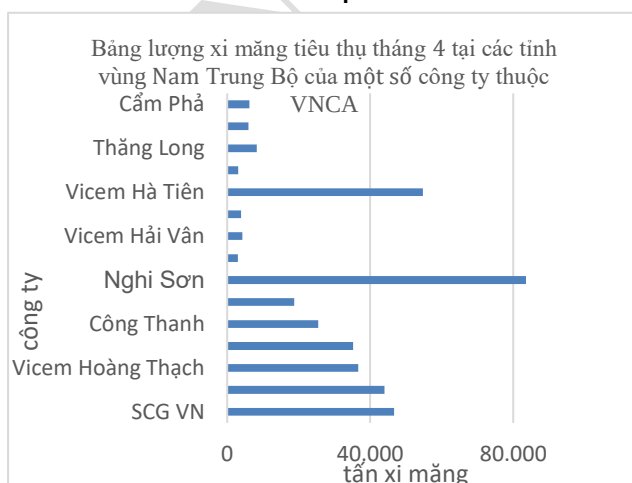
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



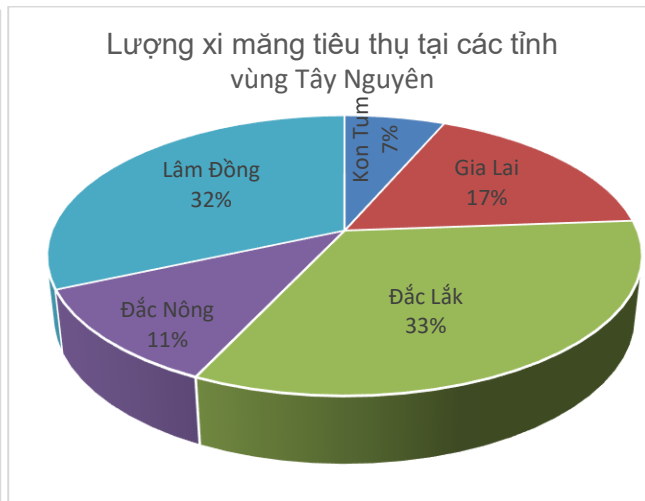
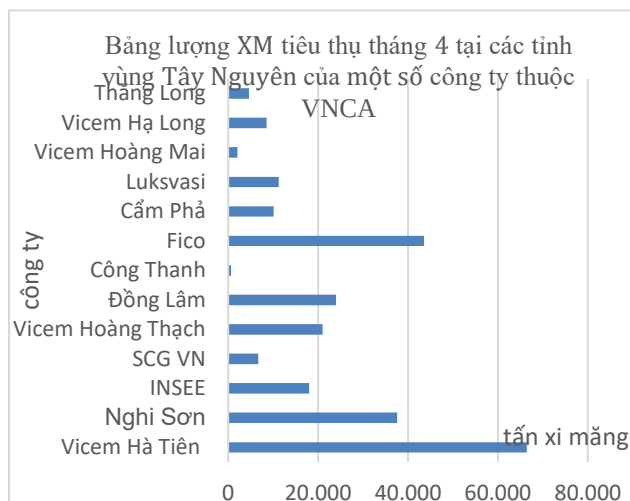
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 4/2022 như sau:
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.100
- XM Bỉm Sơn: 1.410
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.410

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:**

- XM Sông Gianh: 1.540
- XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.450
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.600
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.580
- XM Phúc Sơn: 1.530
- XM luks VN PCB 40: 1.590
- ChinFon: 1.440

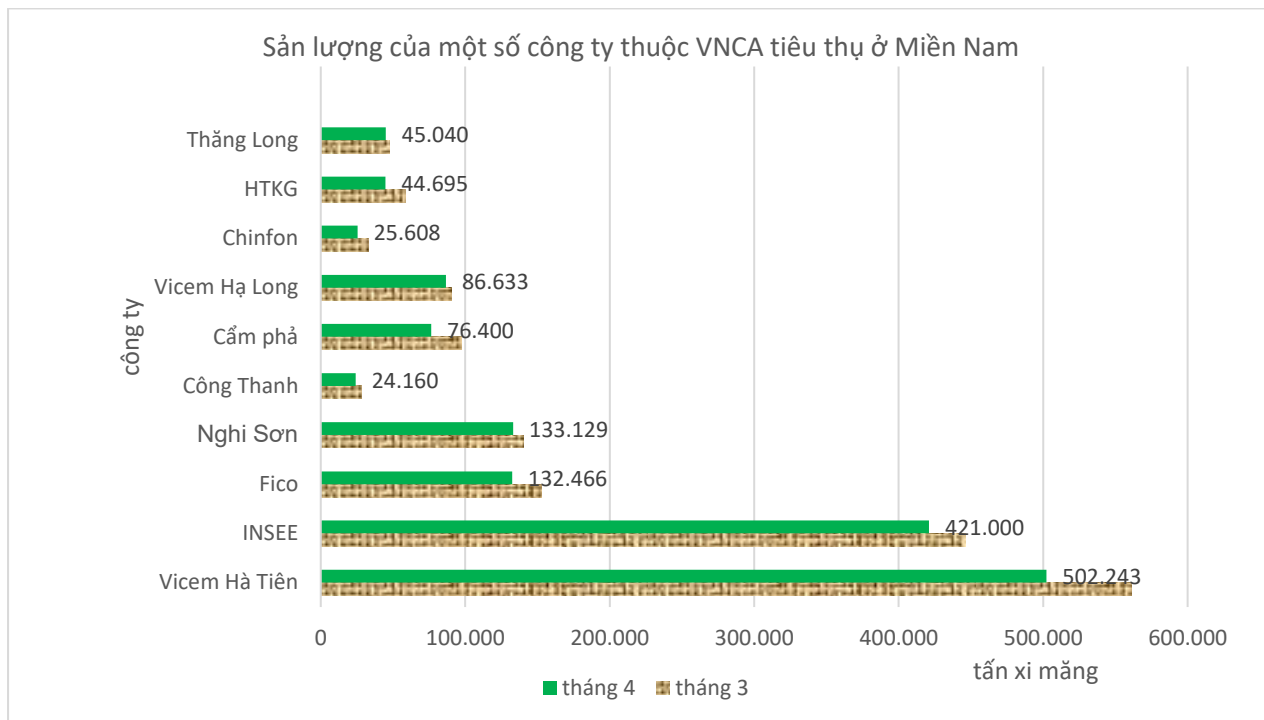
*** Giá XM tại Gia lai, Đắc lăc, Kontum:**

- XM Hoàng Thạch: 1.880
- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950
- XM Thăng Long 1.800
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.890

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

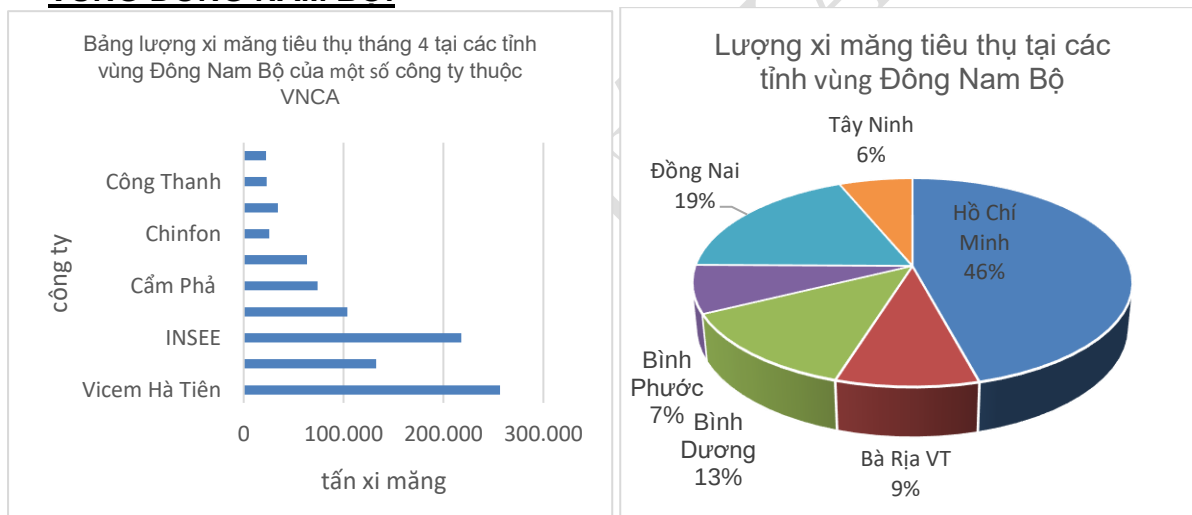
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 2.127.451 tấn (tháng 3 là 2.401.218 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

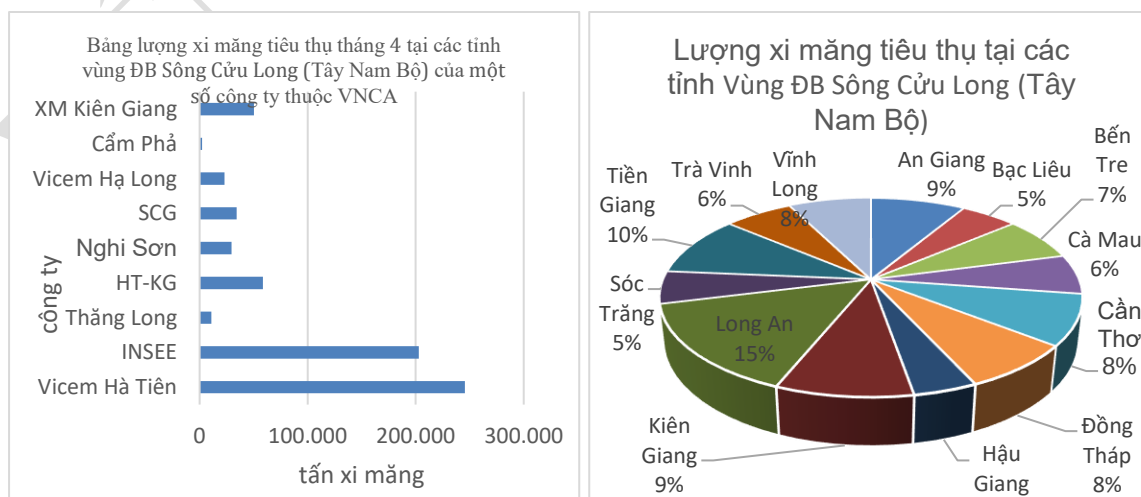


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 4/2022 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.900 ; XM Starcem: 1.760
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.790
- XM ChinFon :1.760 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.830 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.780 - XM Công Thanh: 1.680 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.740 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.494; PCB 50 xá: 1.553 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.650
- INSEE: 1.800 - Starcem: 1.790

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.680
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.340 PCB 40: 1.440
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.670

Nhân xét chung thị trường nội địa:

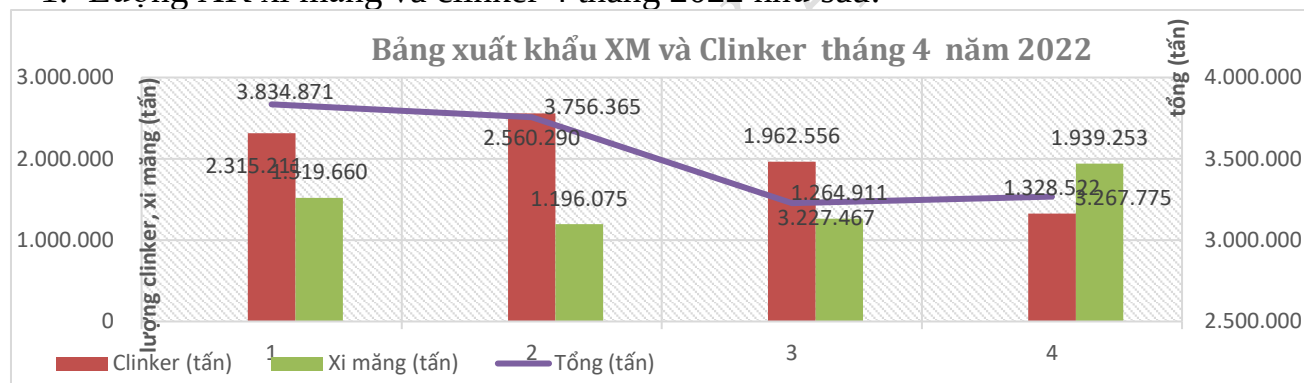
Về tiêu thụ xi măng: giảm so với tháng 3 một phần do các đại lý đã tích trữ hàng trước thời điểm tăng giá.

Về giá bán xi măng: giữ mức giá bán của tháng 3.

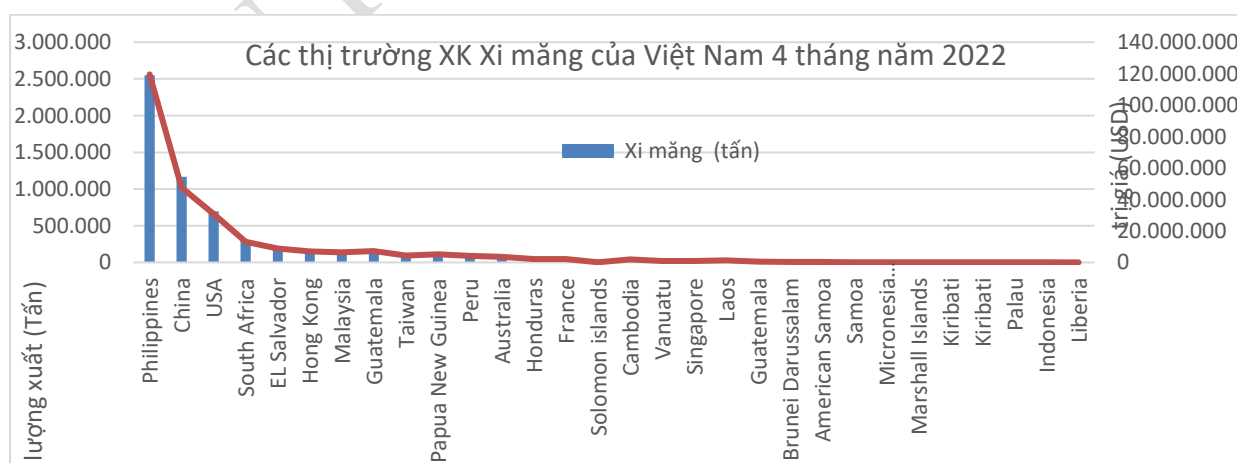
Tồn kho cuối tháng 4: Xi măng: 2,1 triệu tấn; clinker: 2,7 triệu tấn.

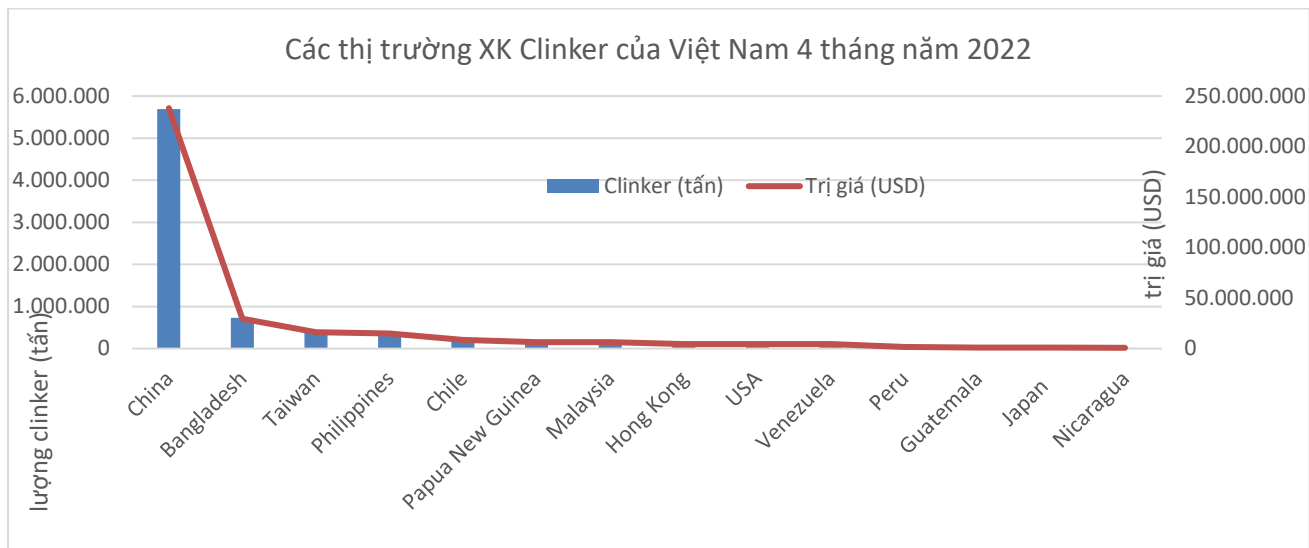
B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 4 tháng 2022 như sau:

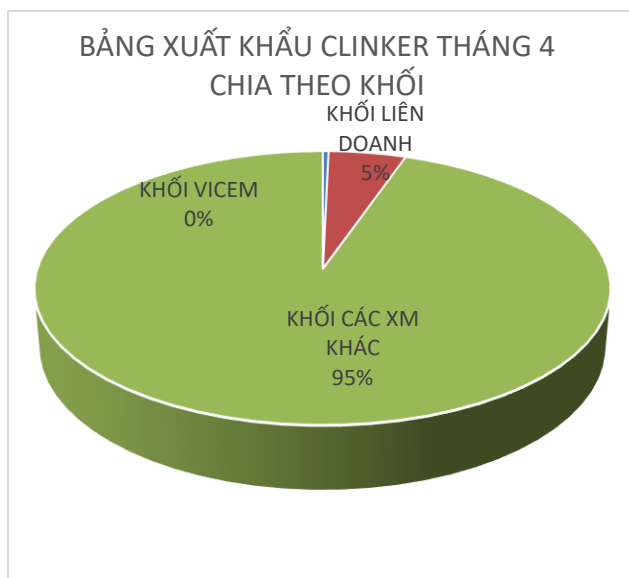


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 4 tháng năm 2022:

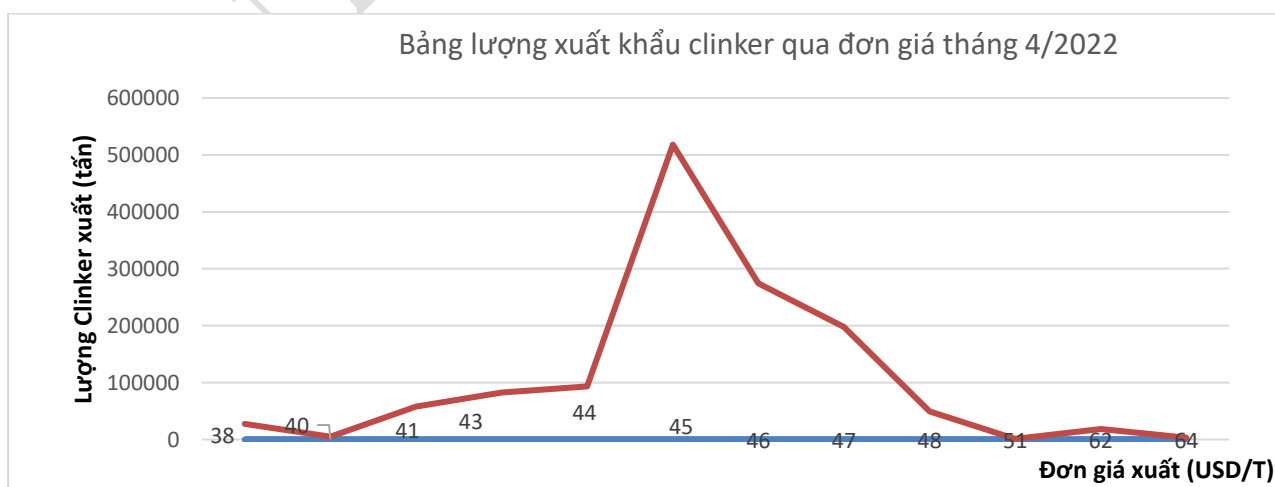


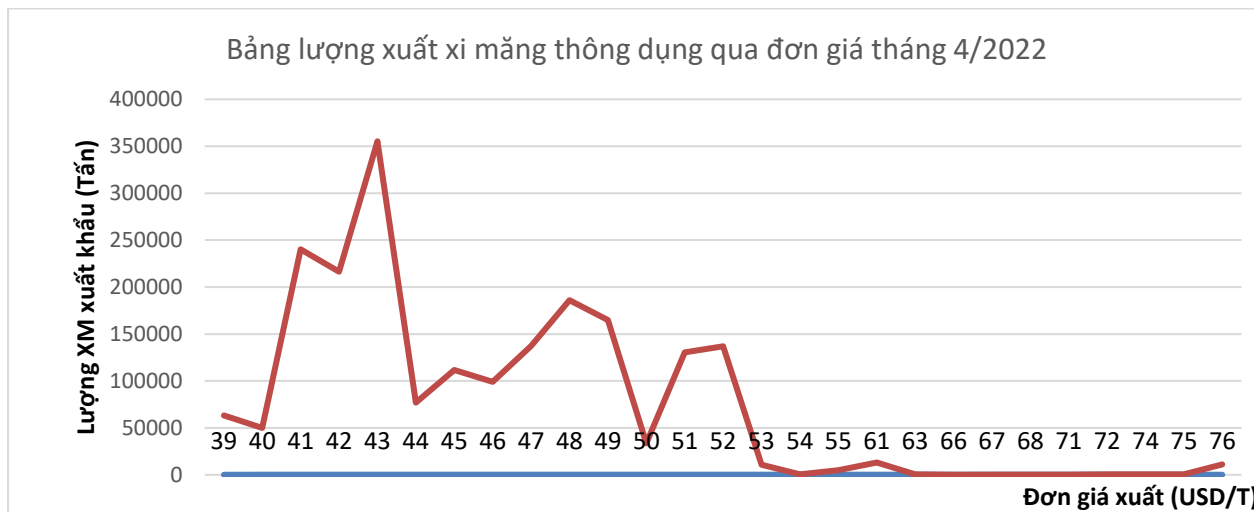


3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 4 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 4/2022 như sau:





C- SX THÁNG 4/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 5/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 4/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T5/2022	Lũy kế TTND năm 2022
A	Khối VICEM	2.542.855	8.429.605	2.141.400	7.200.246
1	Vicem Hải Phòng	159.192	556.877	252.200	805.129
2	Vicem Hoàng Thạch	399.871	1.304.656	410.000	1.320.828
3	Vicem Bút Sơn	323.643	1.049.159	300.000	976.265
4	Vicem Tam Điệp	152.572	478.807	0	0
5	Vicem Bỉm Sơn	335.465	1.159.281	303.000	1.039.714
6	Vicem Hoàng Mai	166.956	537.128	129.000	449.705
7	Vicem Hải Vân	46.315	173.294	12.000	43.311
8	Vicem Hà Tiên	615.984	2.073.882	600.000	2.128.243
9	Vicem Hạ Long	240.939	744.243	135.000	436.432
10	Vicem Sông Thao	101.918	352.278	200	619
B	Khối LD	1.623.497	5.423.128	1.518.770	4.940.033
1	XM Nghi Sơn	453.813	1.602.737	427.100	1.325.123
2	XM Chinfon	297.418	933.201	305.000	841.919
3	Siam City Cement	460.000	1.490.000	410.000	1.492.000
4	XM Luks(Vietnam)	90.000	275.000	80.000	246.000
5	XM Thăng Long	120.000	390.000	90.000	304.998
6	XM Hệ Dưỡng	12.266	92.190	19.670	86.800
7	SCG VN	190.000	570.000	170.000	576.488
8	XM Phúc Sơn	0	70.000	17.000	66.705
C	Khối các Cty xm khác	3.500.000	12.550.000	2.700.000	8.610.000
	Toàn XH: (A+B+C)	7.666.352	26.402.733	6.360.170	20.750.279

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 4/2022: 5.968.302 tấn bằng 91% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 84% so với tháng 3/2022.
- Tổng TTNĐ 4 tháng năm 2022 đạt 20.750.279 tấn bằng 103% so với cùng kỳ 2021.
- Xuất khẩu tháng 4/2022: 3.267.775 tấn (trong đó xi măng 1.939.253 tấn và clinker là 1.328.522 tấn) bằng 76% so với cùng kỳ 2021, bằng 101% so với tháng 3.
- Tổng lượng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2022 đạt: 14.086.478 tấn bằng 94% so với cùng kỳ năm 2021.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 4/2022: 9.236.077 tấn bằng 85% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 89% so với tháng 3.
- Tổng TTNĐ và XK 4 tháng đầu năm 2022 đạt 34.836.757 tấn bằng 99% so với cùng kỳ năm 2021.